

Bản án số 151/2022/HS-PT
Ngày 23/3/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:
Ông Vũ Văn Biểu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 340/2019/TLPT-HS ngày 14 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thanh H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2019/HSST ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Thanh H, sinh ngày 25/6/1984 tại Hà Nội; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: số 59 ngách 2/39 ngõ 105 đường Xuân L, tổ dân phố 8, phường Xuân T, quận Bắc Từ L1, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty TNHH Young Fast Optoelectronics (Việt Nam); con ông Nguyễn Văn Kh và bà Dương Thị H1; có chồng là Nguyễn Đức D và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo do bị cáo mời:** Luật sư Nguyễn Đình Gi - Văn phòng luật sư Đình Gi và cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

*** Nguyên đơn dân sự không kháng cáo:** Công ty TNHH Young Fast Optoelectronics (Việt Nam); trụ sở: Lô CN2-1 Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, huyện Thạch Th1, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Huyền Tr, sinh năm 1985; địa chỉ: Phòng 4403 Chung cư Home City Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:**

1. Chị Đào Thị L2, sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT: thôn C, xóm Đại Ổ, xã Ngọc H2, huyện Chương M, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Phòng 1005, Chung cư 102 Thái Th, phường Trung L3, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1981; nơi cư trú: số 59 ngách 2/39 ngõ 105 đường Xuân L, tổ dân phố số 8, phường Xuân T, quận Bắc Từ L1, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn 3, xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Chị Tạ Thị Ngọc M1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Đội 5, thôn Phú Đ, xã Cần K, huyện Thạch Th1, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị L4, sinh năm 1988; nơi cư trú: Đội 7, thôn Yên N, xã Đồng Q, huyện Quốc O, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

4. Bị án Nguyễn Thị H3, sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn 1, xã Lại Y, huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội, hiện đang thi hành án tại Trại giam Thanh Xuân - Bộ Công an; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Young Fast Optoelectronics Việt Nam (gọi tắt là Công ty Young Fast) có trụ sở tại khu công nghiệp Quốc O - Thạch Th1, huyện Thạch Th1, thành phố Hà Nội là doanh nghiệp có 100% vốn do Đài Loan đầu tư; chuyên kinh doanh, sản xuất các linh kiện điện tử, đã được phép hoạt động, kinh doanh từ tháng 4/2010. Công ty Young Fast có qui mô hoạt động lớn, thường xuyên có khoảng 1200 nhân viên làm việc và thực hiện việc trả lương, thưởng cho nhân viên qua thẻ thanh toán (thẻ ATM) tại Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng Techcombank).

Tháng 7/2010, Nguyễn Thanh H, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố số 8, phường Xuân T, quận Bắc Từ L1, Hà Nội được tuyển dụng vào làm việc ở Phòng nhân sự Công ty Young Fast, chức vụ Trợ lý thâm niên. Đến ngày 01/10/2010, H được bổ nhiệm là Chuyên viên sơ cấp. Tháng 4/2010, Nguyễn Thị H3, sinh năm 1983, trú tại xóm 1, xã Lại Yên, huyện Hoài Đ, Hà Nội được tuyển dụng vào làm ở Phòng nhân sự Công ty Young Fast, chức vụ Trợ lý thâm niên. Tháng 10/2010, bà Trần Lệ Bình là Giám đốc phụ trách Phòng nhân sự Công ty Young Fast đã tổ chức họp, phân công nhiệm vụ của nhân viên Phòng nhân sự. Theo đó, H và H3 cùng được phân công làm ở Tổ Lương - Bảo hiểm thuộc Phòng nhân sự. H làm Tổ trưởng tổ Lương - Bảo hiểm, được giao nhiệm vụ tính lương, thưởng của toàn bộ nhân viên trong Công ty, kiểm tra hệ thống chấm công của toàn bộ nhân viên;

H3 được giao nhiệm vụ phụ trách các vấn đề về bảo hiểm cho nhân viên, làm thủ tục xin chữ ký của Giám đốc Công ty xác nhận duyệt Lệnh chuyển tiền (do H làm và in ra) để trả lương, thưởng cho công nhân, nhân viên Công ty Young Fast thông qua Ngân hàng Techcombank Chi nhánh Láng Hạ chi trả vào tài khoản thẻ ATM của công nhân, nhân viên Công ty. Ngoài ra, H3 còn được giao nhiệm vụ đăng ký tài khoản (thẻ ATM) nhận, cấp phát thẻ ATM cho công nhân viên. Ngoài ra, còn có Tạ Thị Ngọc M1, sinh năm 1990, trú tại đội 5, thôn Phú Đa, xã Cần K, huyện Thạch Thất, Hà Nội là trợ lý giúp việc cho H trong việc thu thập dữ liệu chấm công, làm “Bảng chấm công” đưa cho H kiểm tra và tính ra bảng lương; Nguyễn Thị L4, sinh năm 1988, trú tại đội 7, thôn Yên N, xã Đồng Q, huyện Quốc O, Hà Nội là trợ lý giúp việc cho H3; Đào Thị L2, sinh năm 1988, trú tại P1005, chung cư 102 Thái Th, phường Trung L3, quận Đống Đa, Hà Nội được giao nhiệm vụ xin giấy phép cho người lao động nước ngoài, thuế thu nhập cá nhân và giúp việc cho H, H3.

Công ty Young Fast quy định về quy trình làm lương cho nhân viên trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 7/2011, gồm 4 bước sau: Bước 1: Tổng hợp ngày công, giờ tăng ca (do Tạ Thị Ngọc M1 phụ trách); Bước 2: Tính, làm lương (Nguyễn Thanh H phụ trách); Bước 3: Chuyển lương ra ngân hàng (Nguyễn Thị H3 phụ trách) và Bước 4: Tính lại lương khi tính lương không đúng, thiếu lương (Nguyễn Thanh H phụ trách). Việc làm lương cho nhân viên Công ty Young Fast diễn ra như sau: Trong ngày làm việc, M1 thu thập dữ liệu chấm công, tăng ca ngày hôm trước của toàn bộ nhân viên từ các xưởng, các phòng trong Công ty để nhập dữ liệu chấm công vào “Bảng chấm công” làm bằng phần mềm Excel trên máy tính. Đến khoảng ngày mùng 02 của tháng tiếp theo, M1 làm xong bảng chấm công tháng trước đó của toàn bộ nhân viên để chuyển cho H. H căn cứ bảng chấm công do M1 làm sẽ tính và làm ra “Bảng lương” bằng phần mềm Excel trên máy tính của toàn bộ nhân viên Công ty. Từ bảng lương này, H làm ra các “Bảng lương cá nhân” (mỗi nhân viên có 01 bảng lương cá nhân), in bảng lương cá nhân này ra 01 tờ giấy đưa cho M1 để đưa lại cho nhân viên kiểm tra, nếu nhân viên nào bị làm sai lương thì báo cho H để chỉnh lại. Đồng thời, H đối chiếu số tiền bảo hiểm các nhân viên phải đóng trong tháng theo bảng lương do H tính với số tiền bảo hiểm của các nhân viên phải đóng trong tháng cho H3. Sau khi kiểm tra, đối chiếu không còn sai sót, thắc mắc thì đến trước ngày 15 hàng tháng, H làm và in ra “Lệnh chuyển tiền” bằng giấy khổ A4 đưa cho H3 làm thủ tục trình Giám đốc Công ty Young Fast ký, đóng dấu. Sau đó, H3 mang “Lệnh chuyển tiền” này ra Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Láng Hạ để trả lương vào tài khoản cho nhân viên Công ty vào ngày 15 hàng tháng. Sau khi nhân viên nhận được lương nếu thấy lương bị nhầm, thiếu sẽ đến phòng nhân sự gặp H kiểm tra lại, nếu sai sẽ làm thủ tục báo cáo Công ty để bù lương cho nhân viên vào tháng tiếp theo.

Quy trình làm, tính tiền thưởng của Công ty Young Fast thời gian từ tháng 10/2010 đến 7/2011: Công ty Young Fast có chế độ thưởng cho nhân viên theo

Quý và thưởng Tết dựa trên công việc của nhân viên làm trong Quý, năm đó. Căn cứ vào dữ liệu chấm công, giờ tăng ca, độ chuyên cần... để tính ra tiền thưởng cho nhân viên theo Quý và tiền thưởng Tết. Công ty Young Fast giao cho H là người tính, làm bảng tính tiền thưởng cho nhân viên trong khoảng thời gian trên. H tính ra số tiền thưởng nhân viên được nhận rồi làm bảng tính tiền thưởng của toàn bộ nhân viên bằng file Excel dưới tên “Lệnh chuyển tiền”, in ra giấy A4 đưa cho H3 trình Giám đốc Công ty ký rồi mang ra Ngân hàng để trả tiền thưởng cho nhân viên.

Khoảng đầu tháng 11/2010, H3 đối chiếu dữ liệu tiền bảo hiểm các nhân viên phải đóng trong tháng 10/2010 do H3 tính với dữ liệu tiền bảo hiểm nhân viên phải đóng trên bảng lương tháng 10 do H tính. H3 phát hiện H tính tiền bảo hiểm, tiền lương cho cả những nhân viên đã nghỉ việc, đang nghỉ thai sản nên H3 phản ánh lại với H việc tính sai lương, bảo hiểm này thì H nói đã trót làm sai cứ để như thế và rủ H3 cùng thực hiện việc làm giả bảng lương để chiếm đoạt tiền của Công ty Young Fast. Theo đó, H nói H3 đưa cho H các thẻ ATM của các nhân viên đã đăng ký làm thẻ ATM nhưng nghỉ việc bỏ thẻ ATM lại Công ty không lấy (các thẻ ATM này do H3 lưu giữ) để H lấy thông tin tài khoản và chuyển số tiền chiếm đoạt được vào các tài khoản này. H3 có nhiệm vụ làm thủ tục trình Giám đốc Công ty Young Fast ký “Lệnh chuyển tiền” giả (Lệnh chuyển tiền đã được tính tăng giờ làm, tính lương không cho nhân viên công ty đã nghỉ việc, nghỉ thai sản do H làm) và mang “Lệnh chuyển tiền” giả ra Ngân hàng để làm thủ tục chuyển khoản lương, sau đó H sẽ dùng các thẻ ATM trên để rút số tiền chiếm đoạt và thỏa thuận chia nhau, H3 đồng ý.

Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2010 đến tháng 7/2011, lợi dụng chức năng, nhiệm vụ được Công ty Young Fast phân công, H bàn với H3 làm giả Bảng lương, Lệnh chuyển tiền bằng cách tính tăng giờ công lao động cho công nhân, nhân viên; tính lương cho cả công nhân đã nghỉ thai sản, nghỉ việc... để Công ty Young Fast chuyển tiền vào các tài khoản thẻ ATM của công nhân đã nghỉ việc bỏ lại Công ty nhằm rút tiền chiếm đoạt của Công ty Young Fast. Để thực hiện hành vi phạm tội, H thay đổi dữ liệu chấm công cho nhân viên đã nghỉ việc, nghỉ thai sản, sửa chữa tăng ngày công, giờ công làm việc của các nhân viên để tăng số tiền lương Công ty phải trả cho nhân viên trong bảng lương. H tính lương cho toàn bộ nhân viên, và in “Lệnh chuyển tiền” ra giấy đưa cho H3 để H3 trình Giám đốc Công ty ký. Sau khi Giám đốc Công ty đã ký duyệt “Lệnh chuyển tiền” thì H thay đổi lại các dữ liệu trong “Lệnh chuyển tiền” với số tiền lương, thưởng đúng của công, nhân viên chuyển ra Ngân hàng Techcombank để trả lương cho nhân viên (H thay các trang trước của “Lệnh chuyển tiền”, phần trang cuối có dấu, chữ ký của Giám đốc thì vẫn giữ nguyên rồi lợi dụng khi nào có nhiều tài liệu cần đóng dấu, hoặc khi người giữ dấu đang bận thì đóng trộm dấu giáp lai cho các trang trong “Lệnh chuyển tiền” chuyển ra Ngân hàng). Trong “Lệnh chuyển tiền” chuyển ra Ngân hàng, H thay đổi dữ liệu để chuyển số tiền lương của các nhân

viên đã được tính thêm về đúng mức lương các nhân viên đó được hưởng, còn số tiền nâng “khống” lương được chuyển vào số tài khoản của các nhân viên đến làm thủ việc trong Công ty đã làm thẻ ATM nhưng khi nghỉ việc đã bỏ thẻ ATM lại Công ty. Sau đó, H đưa các thẻ ATM này cho Nguyễn Đức D, sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố 8, phường Xuân T, quận Bắc Từ L1, Hà Nội (là chồng của H) mang đến các cây ATM rút tiền. H và H3 đã sử dụng khoảng 70 thẻ ATM của các nhân viên đã nghỉ việc để thực hiện việc chiếm đoạt tiền của Công ty Young Fast.

Ngoài việc sử dụng các thẻ ATM của các nhân viên đã nghỉ việc làm phương tiện chiếm đoạt tiền của Công ty Young Fast, Cơ quan điều tra còn làm rõ tháng 12/2010, H còn làm giả Lệnh chuyển tiền chuyển 4.659.722 đồng tiền chiếm đoạt được của Công ty vào tài khoản số 14022798346012 của H3 và chuyển 4.460.139 đồng vào tài khoản số 14023001952016 của H mở tại Ngân hàng Techcombank (các tài khoản trên Công ty mở để trả lương cho H và H3).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định việc chiếm đoạt của H và H3 như sau:

- Tháng 10/2010, H và H3 đã làm khống lương, chênh lệch lương của 51 lượt công nhân chiếm đoạt số tiền 32.534.654 đồng rồi chuyển vào 08 thẻ ATM của các công nhân trong Công ty đã thôi việc nhưng không làm thủ tục hủy thẻ ATM (gọi tắt là tài khoản bị lạm dụng);

- Tháng 11/2010, H và H3 đã làm khống lương, chênh lệch lương của 375 lượt công nhân chiếm đoạt số tiền 90.837.133 đồng rồi chuyển vào 11 tài khoản bị lạm dụng;

- Tháng 12/2010, H và H3 đã làm khống lương, chênh lệch lương của 619 lượt công nhân chiếm đoạt số tiền 109.873.289 đồng rồi chuyển vào 21 tài khoản bị lạm dụng;

- Tiền thưởng Quý IV/2010, H và H3 đã làm khống lương, chênh lệch lương của 370 lượt công nhân chiếm đoạt số tiền 61.411.250 đồng rồi chuyển vào 30 tài khoản bị lạm dụng;

- Tiền thưởng cuối năm 2010, H và H3 đã làm khống lương, chênh lệch lương của 153 lượt công nhân chiếm đoạt số tiền 50.120.325 đồng rồi chuyển vào 30 tài khoản bị lạm dụng;

- Tháng 01/2011, H và H3 đã làm khống lương, chênh lệch lương của 572 lượt công nhân chiếm đoạt số tiền 205.126.443 đồng rồi chuyển vào 38 tài khoản bị lạm dụng;

- Tháng 02/2011, H và H3 đã làm khống lương, chênh lệch lương của 640 lượt công nhân chiếm đoạt số tiền 191.393.087 đồng rồi chuyển vào 38 tài khoản bị lạm dụng;

- Tháng 3/2011, H và H3 đã làm không lương, chênh lệch lương của 807 lượt công nhân chiếm đoạt số tiền 175.784.136 đồng rồi chuyển vào 38 tài khoản bị lạm dụng;

- Tiền thưởng Quý I/2011, H và H3 đã làm không lương, chênh lệch lương của 351 lượt công nhân chiếm đoạt số tiền 28.700.000 đồng rồi chuyển vào 31 tài khoản bị lạm dụng;

- Tháng 4/2011, H và H3 đã làm không lương, chênh lệch lương của 844 lượt công nhân chiếm đoạt số tiền 185.232.971 đồng rồi chuyển vào 31 tài khoản bị lạm dụng;

- Tháng 5/2011, H và H3 đã làm không lương của 30 lượt công nhân chiếm đoạt số tiền 163.790.793 đồng rồi chuyển vào 30 tài khoản bị lạm dụng;

- Tháng 6/2011, H và H3 đã làm không lương, chênh lệch lương của 796 lượt công nhân chiếm đoạt số tiền 110.331.747 đồng rồi chuyển vào 20 tài khoản bị lạm dụng;

- Tháng 7/2011, H và H3 đã làm không lương, chênh lệch lương của 637 lượt công nhân chiếm đoạt số tiền 135.741.837 đồng rồi chuyển vào 32 tài khoản bị lạm dụng;

- Tiền thưởng Quý II/2011, H và H3 đã làm không lương, chênh lệch lương của 333 lượt công nhân chiếm đoạt số tiền 35.954.399 đồng rồi chuyển vào 40 tài khoản bị lạm dụng.

Như vậy, trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 7/2011, H đã trực tiếp tính lương, làm không lương, chênh lệch lương của 6578 lượt công nhân để cùng H3 chiếm đoạt tổng số tiền 1.576.832.064 đồng của Công ty Young Fast bằng cách H chuyển số tiền tính thừa lương cho công nhân vào 68 tài khoản thẻ ATM của công nhân nghỉ việc bỏ lại Công ty, H đưa các thẻ ATM (có ghi sẵn mật khẩu, số tiền rút H ghi sẵn trên thẻ) cho chồng là Nguyễn Đức D đi rút tại các cây ATM ở địa bàn Hà Nội. Kết quả điều tra trích xuất hình ảnh camera tại cây ATM 133783, 110783 đặt ở tòa nhà 15T Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội; Cây ATM 117823 đặt tại Viện khoa học công nghệ, đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội xác định Nguyễn Đức D là người rút tiền từ tài khoản số 14023540233015 của anh Nguyễn Đăng Toàn; tài khoản số 14023510459019 của anh Chu Tiến Tùng; tài khoản số 14023510429012 của chị Đặng Thị Luyện; tài khoản số 14023359482011 của chị Nguyễn Thị Ninh; tài khoản số 14023540287018 của anh Nguyễn Văn Tú; tài khoản số 14023482146018 của chị Nguyễn Thị Kiên; tài khoản số 14023482148010 của chị Nguyễn Thị Lợi; tài khoản số 14023482163011 của anh Nguyễn Văn Thường; tài khoản số 14023482143019 của chị Nguyễn Mai Anh; tài khoản số 14023482148010 của anh Nguyễn Văn Lợi; tài khoản số 14023482112016 của anh Trần Quốc Khanh; tài khoản số 14023482139011 của chị Lê Thị Mai Hương; tài khoản số 14023992420017 của anh Dương Văn Trung; tài khoản số 14024029998018 của

chị Đỗ Thị Thu Hương; tài khoản số 14024271170016 của anh Nguyễn Văn Mạnh; tài khoản số 14023482165012 của chị Nguyễn Thị Thu Hà; tài khoản số 1402399244010 của chị Nguyễn Thị Tình; tài khoản số 14023510462011 của chị Đào Thị Bích Phương và tài khoản số 14024271141016 của chị Tạ Thị Dung (các tài khoản trên đều là tài khoản bị lạm dụng được H và H3 chuyển số tiền tính không lương, thừa lương của nhân viên và nhân viên nghỉ việc, nghỉ thai sản...vào đó để rút ra chiếm đoạt).

Đến tháng 8/2011, Công ty Young Fast kiểm tra lại việc làm lương, thưởng tại Công ty TNHH Young Fast đã phát hiện việc H và H3 làm sai lệch bảng lương của nhân viên Công ty để chiếm đoạt tiền. Căn cứ số tiền 1.576.832.064 đồng Ngân hàng Techcombank đã chuyển vào 68 tài khoản bị lạm dụng của các nhân viên đã nghỉ việc nhưng Công ty vẫn phải trả lương và chuyển cả tiền tính không lương cho nhân viên nghỉ việc vào tài khoản của H và H3 nên ngày 19/3/2012, Công ty Young Fast đã có đơn tố cáo hành vi phạm tội của Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thị H3 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội.

Kết quả xác minh tại Ngân hàng Techcombank xác định số tiền 1.576.832.064 đồng do H và H3 làm giả bảng lương, lệnh chuyển tiền bằng cách tính không lương, thừa lương cho nhân viên và nhân viên Công ty Young Fast đã nghỉ việc chuyển vào 68 tài khoản bị lạm dụng và đã được rút hết ở các cây ATM trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H3 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và khai trước khi thực hiện hành vi phạm tội, H bàn bạc với H3 về thủ đoạn để chiếm đoạt tiền của Công ty Young Fast như sau: H3 đưa các thẻ ATM của nhân viên đã nghỉ việc nhưng không lấy mà H3 giữ cho H để H làm “Lệnh chuyển tiền” sẽ chuyển số tiền chiếm đoạt được vào tài khoản các thẻ ATM này. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, H3 đã đưa cho H khoảng 70 thẻ ATM của nhân viên đã nghỉ việc để H rút tiền chiếm đoạt được của Công ty Young Fast. Lúc đầu, H3 không biết H và H3 đã chiếm đoạt được bao nhiêu tiền của Công ty Young Fast do H là người trực tiếp rút tiền chiếm đoạt từ các tài khoản bị lạm dụng. Sau khi Công ty phát hiện việc H và H3 làm giả Bảng lương, Lệnh chuyển tiền đã làm đơn tố giác với Cơ quan điều tra, thì H đã hướng dẫn H3 khai với Cơ quan điều tra số tiền H và H3 chiếm đoạt của Công ty Young Fast là 1.000.000.000 đồng do H đã khai nhận chiếm đoạt được số tiền này. Sau khi đối chiếu lại các bảng lương, thưởng do H và H3 làm giả được lưu tại Công ty Young Fast và Ngân hàng Techcombank thì H3 xác định số tiền đã chiếm đoạt của Công ty Young Fast là 1.576.832.064 đồng.

Trong giai đoạn điều tra vụ án, do nuôi con nhỏ nên Nguyễn Thanh H được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Quá trình điều tra vụ án từ ngày 09/6/2012 đến ngày 21/01/2014, H đều khai nhận hành vi phạm tội như trên. Tuy nhiên tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và trong quá trình điều tra lại vụ

án, Nguyễn Thanh H thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi cùng H3 thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của Công ty Young Fast. H khai không có nhiệm vụ làm bảng lương, Lệnh chuyển tiền nên không chiếm đoạt tiền của Công ty; việc đưa thẻ ATM cho D đi rút tiền là do H3 đưa các thẻ ATM của công nhân làm việc tại Công ty nhờ H rút hộ tiền lương cho họ và sau khi rút tiền xong, H đã đưa lại toàn bộ cho H3. Xét thấy việc Nguyễn Thanh H thay đổi lời khai như trên là không có căn cứ, chỉ nhằm chối tội.

Quá trình điều tra lại vụ án, căn cứ văn bản phúc đáp yêu cầu xác minh do Công ty Young Fast cung cấp; Lời khai các nhân chứng, bị can Nguyễn Thị H3, lời khai các nhân viên làm việc tại phòng nhân sự là Tạ Thị Ngọc M1, Nguyễn Thị L4, Đào Thị L2, Nguyễn Thị Cẩm Vân, Dương Thị Luyện, Cơ quan điều tra đã xác định được: Từ tháng 10/2010 đến tháng 7/2011, Nguyễn Thanh H được Công ty Young Fast giao làm nhiệm vụ tính lương, thưởng cho toàn bộ nhân viên trong Công ty, làm Bảng lương, Lệnh chuyển tiền rồi chuyển cho H3 để trình lãnh đạo Công ty ký duyệt, làm thủ tục chuyển khoản trả lương tại Ngân hàng Techcombank.

Ngoài ra, kiểm tra máy tính cá nhân của H được Công ty Young Fast cấp phát sử dụng phát hiện có 03 file Excel gồm: “Lệnh chuyển tiền” thưởng quý 2 năm 2011, “Lệnh chuyển tiền” lương tháng 12/2010, “Lệnh chuyển tiền” lương tháng 3/2011. Nguyễn Thanh H không thừa nhận mình là người làm Bảng lương, Lệnh chuyển tiền, mà khai đây là 03 file do Nguyễn Thị H3 copy chuyển vào máy tính cá nhân của H. Nhưng Nguyễn Thị H3 không thừa nhận việc trên.

Kết quả xác minh trong thời gian làm việc tại Công ty Young Fast, Nguyễn Thanh H sử dụng email (hòm thư điện tử cá nhân) nội bộ do Công ty lập với tên tinahong@yfo.vn; Nguyễn Thị H3 sử dụng hòm thư điện tử cá nhân nội bộ tên uyenvy@yfo.vn; bà Trần Lệ Bình sử dụng hòm thư điện tử cá nhân nội bộ tên Chris@yfo.com.tw để trao đổi công việc. Công ty Young Fast kiểm tra dữ liệu điện tử tại Phòng công nghệ thông tin xác định Công ty Young Fast lưu giữ các thư điện tử và các file đính kèm H gửi cho H3 và bà Trần Lệ Bình có liên quan đến việc H tính bảng lương, chấm công, làm các lệnh chuyển tiền, phân công công việc, cụ thể:

Ngày 02/11/2010, Nguyễn Thanh H gửi thư điện tử nội bộ cho bà Trần Lệ Bình và Nguyễn Thị H3 với nội dung nhờ H3 kiểm tra lại Lương tháng 10/2010 do H làm, File đính kèm là Bảng tính lương được làm trên file Excel gồm 11 sheet:

Sheet 1: Tài liệu cơ bản.

Sheet 2: Bảng tổng hợp giờ tăng ca và ngày công.

Sheet 3: Bảng lương công nhân viên.

Sheet 4: Phiếu lương mới.

Sheet 5: Bảng lương nhân viên.

Sheet 6: Thuế thu nhập cá nhân.
Sheet 7: Lệnh chuyển tiền.
Sheet 8: Nghỉ việc.
Sheet 9: Tiền mặt.
Sheet 10: Tính tiền lương các bộ phận.
Sheet 11: Tiền lương các bộ phận.

Ngày 07/5/2011, Nguyễn Thanh H gửi thư điện tử nội bộ cho bà Trần Lê Bình để báo cáo công việc với file đính kèm phân công công việc phòng nhân sự thể hiện nội dung công việc: Nguyễn Thanh H phụ trách tính lương; Nguyễn Thị H3 phụ trách bảo hiểm, chuyển lương; Tạ Thị Ngọc M1 phụ trách tổng hợp ngày công, tăng ca.

Ngày 18/6/2011, Nguyễn Thanh H gửi thư điện tử nội bộ cho bà Trần Lê Bình với file đính kèm là bảng tính lương.

Ngoài việc sử dụng các thẻ ATM của các nhân viên đã nghỉ việc làm phương tiện chiếm đoạt tiền của Công ty Young Fast, Cơ quan điều tra còn làm rõ tháng 12/2010, H còn làm giả Lệnh chuyển tiền chuyển 4.659.722 đồng tiền chiếm đoạt được của Công ty vào tài khoản số 14022798346012 của H3 và chuyển 4.460.139 đồng vào tài khoản số 14023001952016 của H mở tại Ngân hàng Techcombank (các tài khoản trên Công ty mở để trả lương cho H và H3).

Đối với số tiền 1.576.832.064 đồng chiếm đoạt được của Công ty Young Fast, quá trình điều tra xác định H nhờ chồng là Nguyễn Đức D đi rút rồi đưa lại cho H để cùng H3 chia nhau. H3 khai chỉ được H chia cho 100.000.000 đồng. Do việc đưa tiền không có giấy biên nhận nên H phải chịu trách nhiệm về số tiền còn lại là 1.476.832.064 đồng. Khi vụ án bị phát hiện, Nguyễn Thanh H đã tự nguyện nộp số tiền 456.300.000 đồng và gia đình Nguyễn Thị H3 nộp 40.000.000 đồng để khắc phục trả cho Công ty Young Fast. Ngày 05/7/2012, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả số tiền 496.300.000 đồng trên cho Công ty YoungFast. Sau khi nhận lại số tiền trên, ông WU YUNG JUNG là đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Young Fast yêu cầu Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thị H3 phải bồi thường cho Công ty số tiền còn lại là 1.080.532.064 đồng. Khi vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm, Nguyễn Thị H3 đã nộp trả lại bị hại số tiền còn lại 60.000.000 đồng. Đến nay, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Young Fast là bà Trần Huyền Trang yêu cầu Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thị H3 phải bồi thường cho Công ty Young Fast số tiền còn lại là 1.020.532.064 đồng và đề nghị xử lý H, H3 theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn xác định trong tháng 7/2011, Nguyễn Thị H3 và Đào Thị L2, sinh năm 1988, trú tại xã Ngọc Hòa, huyện Chương M, Hà Nội còn có hành vi làm giả bảng duyệt tăng lương, làm sai bảng lương để chiếm đoạt tiền của Công ty trong tháng 7/2011 là 1.321.348 đồng; trong đó L2 chiếm đoạt 596.000 đồng, H3 chiếm đoạt 724.784 đồng. Tháng 8/2011, Nguyễn Thanh

H làm sai bảng lương cho H3 và L2 là 1.262.245 đồng. Tuy nhiên, trong khi duyệt lương, Công ty Young Fast phát hiện việc trên, nên H, H3 và L2 chưa chiếm đoạt được số tiền nêu trên.

Đối với Nguyễn Đức D: Trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 7/2011, H đưa D khoảng 10 lần các thẻ ATM Techcombank (mỗi lần từ 20-30 thẻ, mật khẩu truy cập H ghi sẵn lên các thẻ) và nhờ D đi rút tiền lương hộ công nhân làm việc cùng công ty, mỗi lần rút số tiền khoảng 100.000.000 đồng. Sau mỗi lần rút tiền, D đưa lại toàn bộ cho H và D không biết số tiền trên do H lừa đảo chiếm đoạt của Công ty Young Fast. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Đức D về hành vi trên.

Đối với Đào Thị L2: Tháng 7/2011, L2 đã cùng H3 thực hiện hành vi làm giả bảng duyệt tăng lương, làm sai bảng lương cho L2 để chiếm đoạt của Công ty Young Fast số tiền là 1.321.384 đồng. Trong đó, L2 được 596.600 đồng và H3 được 724.784 đồng. Tháng 8/2011, H3 làm giả bảng tăng lương cho L2 để chiếm đoạt 1.262.245 đồng. Do bị Công ty Young Fast phát hiện nên L2 không chiếm đoạt được tiền của công ty. Xét thấy hành vi trên của Đào Thị L2 chưa đến mức xử lý hình sự nên Cơ quan điều tra không đề cập khởi tố.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị H3 khai phải bù tiền trả trực tiếp cho các nhân viên Công ty Young Fast do bị H tính nhầm, thiếu lương khi làm giả Lệnh chuyển tiền. Ngoài lời khai của H và H3, không có tài liệu nào khác chứng minh việc trên. Mặt khác quá trình điều tra lại vụ án H và H3 đều thay đổi lời khai không bù, trả tiền thiếu lương cho bất kỳ nhân viên nào.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 47/2017/HSPT ngày 15/02/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu ngày 28/01/2011, Nguyễn Thanh H chuyển số tiền 141.719.489 đồng vào tài khoản số 14022795608016 của Nguyễn Thị H3 mở tại Ngân hàng Techcombank. Kết quả điều tra xác định đây là số tiền của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979, trú tại thôn 3, xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, Hà Nội (là chị gái ruột của H3), gửi vào tài khoản của H3, không phải do Nguyễn Thanh H chia tiền chiếm đoạt cho H3.

Xác minh chủ tài khoản thẻ ATM bị lạm dụng xác định: Các chủ tài khoản này có đăng ký xin việc, thử việc hoặc làm việc trong thời gian ngắn tại Công ty Young Fast nhưng không được cấp, phát thẻ ATM nên không sử dụng, giao dịch và không biết ai đã sử dụng các thẻ ATM này.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H3 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và đồng phạm. Riêng Nguyễn Thanh H ban đầu thừa nhận hành vi phạm tội và tự nguyện nộp lại một phần tiền chiếm đoạt được, nhưng sau đó H thay đổi lời khai và không thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2019/HSST ngày 02/4/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H3 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2015.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015:

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị H3 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH Young Fast Optoelectronics Việt Nam số tiền 1.080.532.064 đồng, trong đó, chia theo kỷ phần: H phải bồi thường 1.020.532.064 (Một tỷ không trăm hai mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn không trăm sáu mươi tư) đồng, H3 phải bồi thường 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Xác nhận Nguyễn Thị H3 đã nộp 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền số AK/2010/0007466 ngày 11/6/2014.

Công ty TNHH Young Fast Optoelectronics Việt Nam được nhận số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền số AK/2010/0007466 ngày 11/6/2014.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/4/2019, bị cáo Nguyễn Thanh H kháng cáo kêu oan, bị cáo cho rằng bản thân không cùng H3 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty Young Fast như bản án sơ thẩm quy kết. Bị cáo không có nhiệm vụ tính lương và làm Lệnh chuyển tiền nên không tính không lương, không làm giả Lệnh chuyển tiền chi trả lương, thưởng cho công nhân đang làm việc, nghỉ thai sản, đã nghỉ việc tại Công ty Young Fast để rút số tiền 1.576.832.064 đồng tính thừa lương chiếm đoạt của Công ty Young Fast, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm minh oan cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thanh H vắng mặt, có gửi cho Hội đồng xét xử đơn xin hoãn phiên tòa với nội dung trình bày bị cáo mắc covid 19 nhưng đơn của bị cáo không có xác nhận của chính quyền địa phương.

Luật sư Nguyễn Đình Giá bào chữa cho bị cáo đã đến phiên tòa nhưng khi khai mạc phiên tòa thì luật sư đã tự ý bỏ về.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm giải quyết vụ án:

Phiên tòa đã mở nhiều lần, các lần phiên tòa trước bị cáo Nguyễn Thanh H có kháng cáo nhưng đều vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa. Phiên tòa lần

này bị cáo H cũng vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bị cáo mắc covid 19 nhưng đơn của bị cáo không có xác nhận của chính quyền địa phương, luật sư bào chữa cho bị cáo đã có mặt nhưng tự ý bỏ về, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo.

Quá trình điều tra vụ án bị cáo Nguyễn Thanh H thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm lần 1, phiên tòa phúc thẩm lần 1 và quá trình điều tra lại vụ án, bị cáo H thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi cùng H3 thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của Công ty Young Fast. Tuy nhiên căn cứ lời khai thừa nhận hành vi phạm tội của Nguyễn Thị H3 tại cơ quan điều tra, tại các phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Thanh H tại cơ quan điều tra bị cáo thừa nhận hành vi và tự nguyện nộp lại một phần số tiền đã chiếm đoạt, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 như Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là đúng người, đúng tội, không oan, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiền hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H đảm bảo hình thức và trong hạn luật định, nên xác định là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa đã mở nhiều lần, các lần phiên tòa trước bị cáo Nguyễn Thanh H có kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị cáo đều vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa với các lý do khác nhau: khi thì xin hoãn vì lý do sức khỏe, khi thì bị cáo bị ốm, khi thì bị cáo xin hoãn để mời luật sư khác, khi thì cách ly covid. Phiên tòa lần này bị cáo H đã nhận được triệu tập của Tòa nhưng vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bị cáo mắc covid 19 nhưng đơn của bị cáo không có xác nhận của chính quyền địa phương, luật sư bào chữa cho bị cáo đã có mặt nhưng tự ý bỏ về, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình điều tra vụ án từ ngày 09/6/2012 đến ngày 21/01/2014 Nguyễn Thanh H đều khai nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm lần 1,

phiên tòa phúc thẩm lần 1 và quá trình điều tra lại vụ án, bị cáo H thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi cùng H3 thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của Công ty Young Fast. Tuy nhiên căn cứ lời khai thừa nhận hành vi phạm tội của Nguyễn Thị H3 tại cơ quan điều tra, tại các phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Thanh H tại cơ quan điều tra bị cáo thừa nhận hành vi và tự nguyện nộp lại một phần số tiền đã chiếm đoạt, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 7/2011, lợi dụng sơ hở của Công ty Young Fast, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thị H3 đã cấu kết với nhau dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng nhiệm vụ được giao để chiếm đoạt tiền của Công ty Young Fast. Theo đó, H lập Bảng chấm công không, tăng giờ công, ngày công lao động cho công nhân đang làm việc, chấm công cho cả công nhân đã nghỉ việc hoặc nghỉ thai sản, từ đó H tính lương, lập Lệnh chuyển tiền để Lãnh đạo Công ty Young Fast duyệt, sau đó H sửa Lệnh chuyển tiền đúng với số lương của công nhân được hưởng, số tiền tính thừa lương của công nhân, H và H3 thông qua Ngân hàng Techcombank chuyển vào 68 tài khoản thẻ ATM của công nhân đã nghỉ việc nhưng bỏ lại thẻ ATM tại Công ty Young Fast để rút tiền chiếm đoạt của Công ty Young Fast chia nhau.

Bị cáo Nguyễn Thanh H trực tiếp tính lương, làm không lương, chênh lệch lương (17 lần) của 6.578 lượt công nhân với tổng số tiền 1.576.832.064 đồng, chuyển vào 68 tài khoản thẻ ATM của công nhân đã nghỉ việc (do H3 giữ và đưa cho H). H đưa các thẻ ATM đã được chuyển số tiền chiếm đoạt vào đó kèm theo mật khẩu, số tiền cần rút ghi sẵn trên thẻ đưa cho chồng là Nguyễn Đức D đi rút tại các máy rút tiền ATM tại địa bàn Hà Nội, chiếm đoạt được 1.576.832.064 đồng của Công ty Young Fast. Sau khi chiếm đoạt được tiền, H chia cho H3 100.000.000 đồng, còn lại cá nhân H chiếm hưởng 1.476.832.064 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thanh H ban đầu thừa nhận hành vi phạm tội và tự nguyện nộp lại một phần số tiền chiếm đoạt được nhưng sau đó bị cáo thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo cho rằng không có nhiệm vụ tính lương, lập Lệnh chuyển tiền, nên không lừa đảo chiếm đoạt tiền của Công ty Young Fast, tuy nhiên tại đơn tố cáo, tại các lời khai cũng như tại công văn trả lời của nguyên đơn dân sự là Công ty Young Fast cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được thì Nguyễn Thanh H là người được Công ty Young Fast giao nhiệm vụ tính lương, thưởng cho tất cả công nhân của Công ty, làm Lệnh chuyển tiền đến Ngân hàng Techcombank để đổ lương vào tài khoản thẻ ATM cho công nhân.

Lời khai của bị án Nguyễn Thị H3, lời khai của những người làm chứng chị Tạ Thị Ngọc M1, chị Nguyễn Thị L4, chị Trần Thị Cẩm Vân, chị Dương Thị Luyện, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị L2 tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án thể hiện Nguyễn Thanh H là người làm bảng

lương, làm Lệnh chuyển tiền sau đó in ra cho Nguyễn Thị H3 xin trình ký và mang đi Ngân hàng đổ tiền vào tài khoản cho công nhân.

Kết quả Cơ quan điều tra khai thác thu giữ trong ổ cứng (CPU) máy tính của H (được Công ty giao sử dụng, máy này không có cổng copy USB và được H cài mật khẩu máy và mật khẩu của từng file văn bản) có 03 Lệnh chuyển tiền không chính xác, sai lệch gồm Lệnh chuyển tiền thưởng quý 2 năm 2011 vẫn tính tiền cho những công nhân đã nghỉ việc, nghỉ thai sản của Công ty tại thời điểm đó; Lệnh chuyển tiền lương tháng 12/2010 vẫn tính tiền cho những công nhân đã nghỉ việc, nghỉ thai sản của Công ty tại thời điểm đó; Lệnh chuyển tiền lương tháng 3/2011 lưu tại Công ty có một số nội dung bị thay đổi so với Lệnh chuyển tiền lưu tại Ngân hàng Techcom bank do bị thay đổi dữ liệu của người nghỉ việc thành người nghỉ việc khác.

Kết quả rà soát quá trình làm Lệnh chuyển tiền đã được tính tăng lương cho công nhân phát hiện tháng 12/2010, tài khoản số 14023001952016 của Nguyễn Thanh H do Công ty Young Fast mở để trả lương cho H và tài khoản số 14022798346012 của Nguyễn Thị H3 có được chuyển số tiền nằm trong số tiền 1.576.832.064 đồng chiếm đoạt của Công ty Young Fast, cụ thể: chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thanh H là 4.460.139 đồng và chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị H3 là 4.659.722 đồng.

Kiểm tra hòm thư điện tử (gmail) do Công ty Young Fast lập cho H (có mật khẩu đăng nhập do H quản lý) có thư điện tử H gửi cho bà Trần Lệ Bình - Giám đốc bộ phận quản lý Công ty Young Fast (để báo cáo), có thư điện tử H gửi cho H3 để nhờ kiểm tra lại lương tháng 10/2010 do H làm và đính kèm 01 file Bảng tính lương gồm 11 Sheet trong đó Sheet 3: bảng lương công nhân viên, H tính sai lệch: H tính tăng lương, giờ công lao động cho những công nhân làm việc trong tháng và vẫn tính tiền lương cho các công nhân đã nghỉ việc không phải đóng bảo hiểm tháng 10/2010.

Ngày 07/5/2011, H gửi thư điện tử cho bà Trần Lệ Bình báo cáo công việc thể hiện H phụ trách tính lương, H3 phụ trách bảo hiểm, làm thẻ ngân hàng, phát thẻ, chuyển lương, Tạ Thị Ngọc M1 phụ trách tổng hợp ngày công, tăng ca của công nhân.

Kết quả điều tra đã xác định số tiền 1.576.832.064 đồng chiếm đoạt của Công ty Young Fast được Nguyễn Thanh H chuyển vào 68 tài khoản ATM của công nhân nghỉ việc đã bỏ lại thẻ ATM tại Công ty. Căn cứ kết quả trích xuất camera tại 02 cây ATM thì Nguyễn Đức D (chồng của H) đã rút tiền bằng 18 thẻ ATM mà trước đó H đã chuyển tiền vào các tài khoản của công nhân đã nghỉ việc để chiếm đoạt. Số thẻ ATM còn lại không thu giữ được hình ảnh nhưng theo Công ty Young Fast báo cáo và theo các sổ phụ khách hàng do Ngân hàng Techcombank cung cấp thì số tiền 1.576.832.064 đồng đã bị rút hết trong 68 thẻ ATM.

Khi vụ án bị phát hiện, H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và khai số tiền chiếm đoạt được sử dụng mua chiếc xe ô tô Vios và đem nộp chiếc xe trên tại Cơ quan điều tra - Công an thành phố Hà Nội. Kết thúc điều tra vụ án, trong giai đoạn truy tố, bị cáo vẫn nhận tội nhưng tại phiên tòa sơ thẩm (lần 1), phúc thẩm (lần 1) phiên tòa sơ thẩm (lần 2) bị cáo khai không được phân công làm lương cho công nhân.

Từ những phân tích trên thấy có đủ căn cứ để kết luận: Nguyễn Thanh H là người được Công ty Young Fast giao tính, làm lương, thưởng cho tất cả công nhân, là người được Công ty giao quản lý đầy đủ dữ liệu để tính lương, được Công ty giao file Lệnh chuyển tiền nên H là người chịu trách nhiệm về nội dung làm khống Lệnh chuyển tiền lưu tại Công ty Young Fast và tại Ngân hàng Techcombank. Công ty Young Fast đã đối chiếu Lệnh chuyển tiền lưu tại Công ty và lưu tại Ngân hàng Techcombank trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 7/2011 có sự khác nhau. Lệnh chuyển tiền lưu tại Công ty có tính sai: tính tiền lương cho cả những người nghỉ việc, nghỉ thai sản và tính khống lương cho một số công nhân cao hơn so với thực tế công nhân đó được nhận. Lệnh chuyển tiền lưu tại Ngân hàng Techcombank có tính sai: thay đổi dữ liệu của những người nghỉ việc, nghỉ thai sản thành những công nhân đã nghỉ việc khác, các công nhân được làm tăng lương sẽ được tính về đúng số tiền lương thực tế họ được nhận, số tiền làm thừa ra được chuyển vào những tài khoản của những công nhân nghỉ việc trên. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng nhiệm vụ được giao, đã thay đổi dữ liệu chấm công cho công nhân đã nghỉ việc, nghỉ thai sản, sửa chữa tăng ngày công, giờ công làm việc của các công nhân để tăng số tiền lương mà Công ty Young Fast phải trả cho công nhân trong bảng lương. H tính lương cho tất cả công nhân và in “Lệnh chuyển tiền” ra giấy đưa cho H3 để H3 trình Tổng Giám đốc Công ty ký. Sau khi Tổng Giám đốc Công ty đã ký duyệt “Lệnh chuyển tiền” thì H thay đổi lại các dữ liệu trong “Lệnh chuyển tiền” với số tiền lương, thưởng đúng của công nhân chuyển ra Ngân hàng Techcombank để trả lương cho công nhân (H thay các trang trước của “Lệnh chuyển tiền”, phần trang cuối có dấu, chữ ký của Tổng Giám đốc thì vẫn giữ nguyên rồi lợi dụng khi nào có nhiều tài liệu cần đóng dấu, hoặc khi người giữ dấu đang bận thì đóng dấu giáp lai cho các trang trong “Lệnh chuyển tiền” chuyển ra Ngân hàng). Trong “Lệnh chuyển tiền” chuyển ra Ngân hàng, H thay đổi dữ liệu để chuyển số tiền lương của các công nhân đã được tính thêm về đúng mức lương các công nhân đó được hưởng, còn số tiền nâng “khống” lương được chuyển vào số tài khoản của các công nhân đến làm thủ việc trong Công ty Young Fast đã làm thẻ ATM nhưng khi nghỉ việc đã bỏ thẻ ATM lại Công ty. Sau đó, H đưa các thẻ ATM này cho Nguyễn Đức D (là chồng của H) mang đến các cây ATM rút tiền rồi đưa lại cho H. H là người chia tiền cho H3, trong số tiền chiếm đoạt thì H hưởng lợi nhiều hơn.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thanh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan như nội dung kháng cáo của bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, gây lo lắng bất bình trong quần chúng nhân dân. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, vai trò, hành vi, nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình, thái độ khắc phục hậu quả của bị cáo, quyết định mức hình phạt 14 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Thanh H là phù hợp với quy định của pháp luật, vừa đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2019/HSST ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Nguyễn Thanh H, cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Công an Tp Hà Nội;
- Cục THA dân sự Tp Hà Nội;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- NĐDS, NLQ (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học

